

LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢN



TÁM MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ 8



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 8

RẼM THÁNG 8 MẬU-TUẤT

KIỂM THẢO	LIÊN-HOÀ
ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI TÔI... LAMA ANAGARIKA GOVINDA	
ĐẠO ĐỨC TRỞ VỀ (<i>Mẫu chuyện đạo</i>)	QUẢNG-HUỆ
ĐÈN NỬA ĐÊM (<i>Thơ</i>)	HUYỄN-KHÔNG
THẬT LÀ MỘT PHƯƠNG-PHÁP KỶ-DIỆU	HOÀI-MAI
MỘT TÂM HỒN (<i>Chuyện ngắn</i>)	NHU-KHÁNH
ĐẠI-HỘI LỊCH-SỬ TÔN-GIÁO...	THÍCH THIÊN-ÂN
ĐÊM	Có TÂM-HỸ
NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA-HỌC	ÔNG-TRÍ-BIỂU
TRUNG THU BÊN CHI	ĐỨC-THƯƠNG
TIN TỨC	

BÌA DO HỌA-SĨ PHẠM-ĐĂNG-TRÍ TRÌNH-BÀY

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM
GIÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN

Số 696 TGTP

Chùa Linh-Quang, hộp thư 47, Huế

Phật lịch 2.502 Huế, ngày 8 tháng 9 1958
TRỊ-SỰ TRƯỞNG TÔNG-TRỊ-SỰ G.H.T.G.T.P

THÔNG BẠCH KINH GỎI :

- Liệt vị Hòa thượng,
- Quý vị Thượng Tọa trong Tổng-Trị-Sự G.H.T.G.T.P.
- Quý vị Đại-đức trong 10 Ban Trị-Sự G.H.T.G. các tỉnh thuộc Trung-phần.

NAM-MÔ-BỒN-SỰ THÍCH-CA MẬU-NI PHẬT

Tham chiếu phụ bản Quy-chế Giáo-hội Tăng-Già toàn quốc điều thứ 40 của chương 8 (do quyết nghị của Tổng-hội Đồng G.H.T.G.T.P. lần thứ II tại Huế vào năm 1955) Tổng-Trị-Sự Giáo-Hội Tăng-già Trung-Phần 3 năm họp một lần.

Chiếu phiên họp ngày 4 tháng 9 năm 1958 dưới quyền Chủ-tọa của Hòa-Thượng Pháp chủ G.H.T.G.T.P. đã quyết nghị tổ-chức Tổng-Hội-Đồng lần thứ III vào ngày 26, 27, 28 tháng 8 năm Mậu-Tuất (tức 8, 9, 10 tháng 10 năm 1958) tại Trụ-sở Giáo-Hội Tăng-Già Trung-phần, chùa Linh-Quang Huế.

Thành phần Tổng-Hội-Đồng gồm có : liệt vị Trưởng-lão Hòa-Thượng, qui vị Thượng-Tọa, 3 vị Đại-biểu của mỗi tỉnh Giáo Hội ($3 \times 10 = 30$ vị, do Ban Trị-sự Tỉnh đề-cử) và một số chư Tăng do TTS mời tham dự.

Còn thể thức Tổng-Hội-đồng như đã được ấn-dịnh trong phụ bản Quy chế về khoản 6 của chương 8, Tăng số tham dự Hội Đồng phải quá bán số triệu tập mới có giá trị.

Như vậy, muốn cho Tăng-sự của Giáo-Hội được giải quyết mau chóng và có kết quả tốt đẹp, TTS kính mong :

- Quý liệt Hòa-Thượng,
- Quý vị Thượng-Tọa,
- Quý đại-biểu Giáo-Hội các tỉnh.

Sốt sắng tham dự Tổng-Hội-Đồng cho được đông đủ nhất là Đại-biểu các tỉnh, yêu cầu thi-hành đúng thông bạch này.

Sau hết TTS kính yêu cầu qui vị Đại biểu các tỉnh Giáo Hội về tham dự Tổng-Hội Đồng xin nhớ mang theo : danh sách Đại-biểu được Giáo-Hội địa phương công cử, bản tường trình tổng-kết Tăng sự của Giáo-Hội địa-phương (xin đánh thành 14 bản) và qui vị Trưởng ban Quản trị ở các ngành như Phật-Học-viện T.P. trưởng Tư-thục Hàm-Long, và Nguyệt-San Liên-Hoa thuộc TTS, yêu cầu mang theo bản tường-trình Phật-sự của ngành mình (xin đánh thành 14 bản).

Tổng Trị Sự kính lời trân trọng cầu chúc qui liệt Hòa-thượng, qui Thượng Tọa và qui Ban Trị Sự Giáo Hội Tăng già các Tỉnh vô lượng tinh tấn.

Nay thông bạch,
T.M. Tổng-Trị-Sự G.H.T.G.T.P.
Trị-Sự-Trưởng,

THÍCH MẬT-NGUYỄN



KIỂM-THẢO

TRONG thế giới tương đối này, không có gì là hoàn hảo. Đã là người, và công việc của người, không sao tránh khỏi những khuyết điểm. Những ai tự cho mình và công việc của mình là hoàn toàn, những người ấy là những người sai lầm nhất, và công việc của họ thế nào cũng sẽ đi đến thất bại.

Nói thế không có nghĩa là chúng ta nên bằng lòng với số kiếp hẩm hiu, thiệt thòi của con người và bằng lòng nhận lấy những khuyết điểm trong công việc của con người. Không, trái lại, chúng ta nói đến sự thật đáng buồn ấy là để nhắc nhở chúng ta không nên quá chủ quan, quá tự tin mà đâm ra ngã mạn, mà quên rằng sống là đang đi bên cạnh hố sâu, đang lặn mò trong rừng tối nếu chúng ta không thận trọng, giữ gìn, không luôn luôn tự kiểm điểm tư tưởng và hành vi, thì thế nào chúng ta cũng sẽ gặp nhiều tai họa. Chúng ta cần nhớ rằng, chúng ta còn nhiều khuyết điểm nên luôn luôn phải cố gắng sửa chữa, đề mỗi ngày mỗi tiến bộ, mỗi ngày mỗi cải thiện sinh hoạt của ta và tổ chức mà ta đang hệ thuộc.

Cho nên vấn đề kiểm thảo là một vấn đề rất quan trọng rất cần thiết cho con người trong phạm vi cá nhân cũng như trong đoàn thể. Một tổ chức mà trong ấy mỗi phần tử không chịu nổi sự phê bình, sợ sự kiểm thảo, thì thể nào cũng sẽ sụp đổ ; và tổ chức càng mạnh, đoàn thể càng đông thì sự sụp đổ lại càng nhanh chóng và nặng nề vậy.

Đoàn thể Tăng-già và cư-sĩ chúng ta hiện nay có hàng triệu người. Một đoàn thể đông đảo như thế chúng tỏ rằng nó chứa đựng nhiều ưu điểm, nó được quần chúng hâm mộ, hưởng ứng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không cần phải biện luận dài dòng. Nhưng bên cạnh những ưu điểm ấy, nó cũng có những khuyết điểm, Đó là một thông lệ, chúng ta không nên lấy làm e-ngại, buồn phiền. Chỉ đáng buồn phiền, lo ngại là khi chúng ta sợ sự thật không dám nói không dám nghe, khi chúng ta mượn cơ sợ người ta xem lưng nên không dám vạch áo ; sợ mang tiếng bớ lông nên không dám tìm vết, để vết ung nhọt mỗi ngày mỗi ăn sâu, lở loét, vô phương cứu chữa.

Thưa quý vị độc giả, người xưa có nói: « biết mà không nói là bất nhân, nói mà không hết là bất nghĩa ». Là một cơ quan ngôn luận của giới Phật-tử, Liên-Hoa Nguyệt-San thấy có bốn phận trước tiên phải nói lên sự thật, dù sự thật ấy không đẹp đẽ gì. Chúng tôi đứng trên lập trường « Nhân nghĩa » mà nói, nghĩa là nói để xây dựng, để cải thiện con người, lành mạnh hóa tổ chức, chứ không phải nói để tỏ ra mình biết nhiều, để chỉ trích, để thỏa mãn một tư thù, để phá hoại đoàn thể, để làm tay sai cho một tổ chức thù nghịch với Phật-giáo.

Đề cho nhiệm-vụ hướng dẫn dư luận Phật tử của Liên-Hoa Nguyệt-San được chu đáo; đề cho chúng tôi khỏi mang tiếng là « bất nghĩa » vì nói chưa hết, Liên-Hoa Nguyệt-San mong mỗi sự tham gia góp ý kiến xây dựng của quý độc-giả, mong quý vị sẽ đánh lên những tiếng chuông cảnh tỉnh mà Liên-Hoa bắt đầu từ số tới sẽ là cái máy phát thanh truyền lan cho toàn thể giới Phật-tử được nghe rõ.

Liên-Hoa Nguyệt-San

ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI TÔI

CÓ Ý - NGHĨA GÌ ?

Lama Anagarika Govinda

ĐẠO Phật đối với tôi, không phải là một giáo điều hay là nhóm tín - điều của riêng một tôn-phái, một học phái hay một giáo phái nào, mà chính là một giòng nước vĩ đại chảy xuống đến với chúng ta, từ ngàn vạn năm về trước, và giòng nước ấy tập trung tất cả kinh nghiệm trải vô số thời-dại của những tín-đồ triết-gia, thi-sĩ, nghệ-sĩ, học - giả và các bậc Đại-dức, tất cả những người này chung gầy dựng sự phong phú kỳ diệu của giòng nước ấy.

Nguồn gốc của giòng nước ấy là vị Đại-giác, đúng hơn, sự chứng nghiệm của giác-ngộ, một trạng thái của tâm thức, phổ biến và phong phú đến nỗi, sau 2.500 năm, chúng ta chưa làm nóng cạn được

những khả năng diễn đạt của nó và những pháp môn chứng ngộ vô lượng của nó.

Nhưng đại tôn - giáo và những truyền thống tinh thần không phải là những phát minh cá nhân, dầu đã được những bậc đại nhân xướng khởi đầu tiên. Nhưng lại được phát triển lớn dần từ mầm giống của những tư tưởng sáng tác, những thực nghiệm vĩ đại và những trực giác sâu kín. Chúng lớn dần trải nhiều thời đại, thể theo định luật riêng của chúng, như một cây hay những cơ thể động vật khác.

Những lời đức Phật có thể dạy cho chúng ta chỉ là một phần của những gì đức Phật đã dạy với tự thân của Ngài,

với cá tánh của Ngài, với sự mô phạm linh động của Ngài. Và tất cả những điều trên cũng chỉ là một phần nhỏ của sự thực nghiệm tinh thần của Ngài. Chính đức Phật cũng đã biết sự khiếm khuyết về giới hạn của lời nói và văn tự. Ngài đã ngăn ngại truyền dạy bằng lời nói những gì quá sâu kín và tinh vi để luận lý suông và trí thức tầm thường của loài người có thể nhận hiểu. Dầu vậy nay vẫn có người chỉ có thấy đạo Phật là một đạo lý trí, và với hạng người này, lý trí triệt để hạn định vào những phát minh khoa-học và những lý-luận tuyệt đối của thế kỷ vừa qua.

Những ai tin tưởng mù quáng vào văn tự, cũng như những ai xem giá trị cổ tích lịch-sử hệ trọng hơn cả chân lý sẽ không bao giờ công nhận như vậy, vì chúng sẽ mất những thành kiến đã được sắp đặt một cách rõ ràng, những khái niệm đã được định nghĩa khúc chiết và những tư tưởng võ đoán, chính những thành kiến, khái niệm, tư tưởng này giúp đỡ

chúng khỏi phải suy nghĩ. Chúng buộc tội các học phái đạo Phật về sau đi quá xa đức Phật trong khi sự thật chính chúng là người đã đi quá xa những khái niệm về thời gian chi phối của những vị đồng thời với đức Phật và những bậc kế vị.

Các học phái

Để được có một quan-niệm về đạo Phật, chúng ta không thể dựa vào bằng chứng của riêng một học phái nào, dầu học phái này có thể xưa nhất, vì rằng những kinh điển xưa nhất, hiện chúng ta được biết đều được chép ít nhất là 4 thế kỷ sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn, và trong thời ấy ít nhất đã có 18 học phái khác nhau. Những học phái ấy đều diễn đạt lời dạy của đức Phật một cách xác thật và chọn thành nhất có thể có được, đối với những hạng người có tánh tình và nhận thức sai khác nhau. Tất cả đều chọn thành sùng thượng đức Phật và đến với lời dạy của Ngài với một thái độ hết sức cung kính. Vậy nên không gì đáng khen cho một số lớn học giả hiện đại, bị hướng dẫn sai

lầm bởi vì một sự tình ngẫu nhiên, những kinh điển của một học phái được gìn giữ tốt hơn hay được hiểu đến dễ dàng hơn kinh điển của các học phái khác khiến chúng xem rằng những kinh điển này là nguồn gốc chơn chánh độc nhất của những lời đức Phật dạy.

Lâm-Ngữ-Đường đã nói «Vi loài người chỉ ưa nhìn vào một biến tượng (phase) của sự thật mà chúng nhận được, và phát triển cùng nâng cao biến tượng ấy thành một hệ thống luân-lý hoàn toàn, nên triết-học của chúng ta thường hay đi xa với đời sống. Ai luận đàm đến sự thật tức làm tổn thương sự thật, ai muốn chứng minh sự thật tức hủy tổn và xuyên tạc sự thật. Ai đeo cho sự thật một nhãn hiệu và một loại học phái tức giết chết sự thật, và ai tuyên bố là một tín-đồ của sự thật tức là đã chôn mất sự thật».

Chính đức Phật một lần đã hỏi Đại-Đức A-Nan có phải đã theo lời dạy của Ngài vì tin Ngài và lời nói của Ngài. Đại-Đức A-Nan trả lời «không

phải vậy mà chỉ vì tự mình đã chứng nghiệm những lời dạy ấy và nhận thấy những lời ấy đúng với sự thật».

Thái độ của Ngài A-Nan tượng trưng cho thái độ của người Phật-tử một cách vẫn tất rõ ràng. Đức Phật không muốn bắt đầu một tôn giáo mới hay định-nghĩa một giáo điều mới, mà chỉ muốn khuyến khích mỗi cá nhân tự mình kinh nghiệm sự thật cho mình, và tự tỉnh giác đến sự thật cuối cùng mà chúng ta gọi là Giác-ngộ. Đức Phật không tự xem mình như là một nhà phát minh một lời dạy mới, Ngài chỉ muốn xem mình như là một người cảm nhận được một định lý (Dharma) tinh-thần vĩnh-viễn, định lý ấy đã được vô số đấng Đại-Giác đã chứng ngộ và truyền bá trước Ngài, và định lý ấy cũng sẽ được các đức Phật tương lai truyền bá tương tự.

Lời dạy phổ biến

(Universal Teaching)

Chính tánh cách phổ biến của đạo Phật đã luôn luôn

cảm hứng tôi và làm cho đời sống tôi đầy những kinh dị mới lạ, bởi sự phong phú của những kinh nghiệm tinh thần, và những pháp môn chứng ngộ, chính sự phong phú ấy không làm cho tâm trí phải bị tù hãm và thỏa mãn một cách dễ dàng, trái lại còn mở rộng trước chúng ta những viễn vọng mới, tại mỗi khúc quanh và góc đường.

Khi tôi còn trẻ tuổi, nhân tính dễ thương của đức Phật sự hợp lý và ngay thẳng lời dạy Ngài cảm hóa ảnh hưởng tôi. Lời dạy của Ngài không gì mâu thuẫn với những định lý của vũ-trụ và cảm hại đến lương tri của mình. Định lý phổ biến và định lý luân lý, vũ-trụ nội tâm và ngoại cảnh cùng hòa hợp lẫn nhau để thành một bức họa hòa đồng điều tiết.

Định lý Nghiệp về hơn và quả, định lý duyên khởi ứng dụng vào phạm vi luân lý và tu hành, cũng chắc chắn khi ứng dụng vào phạm vi vạn vật hình như đã lấp bằng lỗ hờ từ trước đến nay đã ngăn rộng giữa tôn giáo và khoa-học như phổ thông thường

hiều. Cho đến giáo lý «luân hồi đầu là một sự tin chắc sâu vững và cũng là một sự tự chứng cá nhân đối với tôi tự nhiên và đáng tin hơn, sánh với lý thuyết rằng đời chỉ là một sự phối hợp ngẫu nhiên của những sự kiện vật chất và cuối cùng bị đoạn diệt hoàn toàn hay là lý thuyết một đời sống vĩnh viễn cũng không xứng đáng tại một thiên đường, đầu rằng trước kia về quá khứ không được có mặt trong khoảng thời gian vô tận.

Tôi may mắn hỏi còn trẻ được hiểu biết những giáo lý chính của tất cả những tôn giáo lớn ở thế giới, nhưng không bị ảnh hưởng hoặc bị bắt buộc phải hướng theo một tôn giáo nào, cho đến khi tôi chọn đạo Phật, sự lựa chọn ấy diễn đạt một cách triệt để sự cảm hóa chọn thành của nội tâm, chứ không phải một cái gì bắt buộc tôi phải nắm lấy vì hoàn cảnh. Chắc chắn tôi đã là một Phật-tử trước khi tôi được sinh ra ở đời này.

Một viễn tượng

Khi tôi nói rằng đạo Phật hiện ra với tôi như một con sông, một viễn tượng sáng

chiếm trong tám trí tối, hình ảnh một cuộc du hành dọc theo con sông ấy, và những kỳ quan linh động phong phú con sông ấy hiện ra trước mắt tôi. Tôi sẽ tả cảnh một vài kỳ quan ấy đầu tôi hiểu viễn trọng ấy có tánh cách hoàn toàn cá nhân và sự khó khăn thiếu hụt của những danh-từ và ví dụ đề miêu tả nó.

Ban đầu phong cảnh được bốn hòn núi « Bốn Đế » hùng mạnh ngự trị; Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Hòn núi thứ nhất có vẻ đen thẫm, dễ sợ, bao bọc tràn đầy những than tro và đá diêm sơn đen xẫm, không có cây cối và một đám mây màu đỏ tía gọi diêm dữ bay lơ lửng như một tấm màn báo hiệu ngày tận số.

Ngọn núi thứ hai, phun lửa và khói và những giòng suối đầy phun thạch chảy đỏ tràn liếm sườn núi với những lưỡi đỏ rực, trong khi ấy một trận mưa đá và lửa tàn phá và diệt tận mọi sự sống xung quanh ngọn núi phần nọ ấy. Và một giọng như sấm vang dậy « Này, ta tuyên bố cho các người biết, vũ - trụ

đang bị đốt cháy, bị lửa tham dục, lửa hận thù và lửa vô minh đốt cháy.

Ngọn núi thứ ba được tắm trong ánh sáng tươi mát của mặt trời, và chóp núi rực chiếu với tuyết trắng vĩnh-viễn, trên màn trời xanh biếc, xa bụi đời, trong sạch, ngoài giới hạn của phạm phu... Nhưng một hòn núi thứ tư hiện ra một bên hòn núi ấy, cao dần với tám bậc cấp lớn, và từ cấp bậc cuối và cao hơn hết, một hào quang muôn sắc chói sáng và bắt một móng cầu vòng bảy sắc đến chóp núi trắng và chói sáng ấy. Và giọng nói của đức Phật lại vang dậy cùng khắp « Con đường giải thoát đã được tìm thấy, con đường Thánh Đạo tám ngành, đưa ngang qua chánh tri-kiến, chánh tư-duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cuối cùng đưa đến Niết Bàn giải thoát.

Có nhiều khu rừng đẹp dưới chân những núi giải thoát, và nhiều người muốn tự sửa soạn để leo lên ngọn núi đốc, tự ăn mình trong những chỗ

thanh tịnh của những khu rừng ấy, và tự hiển mình trong một đời sống thiếu thốn và thuyền quán. Và chúng tự dựng lên những bức tường xung quanh chúng, để chống ngự với đời và những ảnh hưởng phiến nhiễu của nó ; nhưng chúng càng đóng cửa ngoài cuộc đời bao nhiêu, chúng càng ít được nhận biết những ngọn núi mãnh liệt ấy bấy nhiêu, và dòng nước chảy của con sông lớn càng nhỏ dần và nhỏ dần.

Cuối cùng, các bức tường cao dần cho đến nỗi ngọn núi giải thoát không được trông thấy nữa. Nhưng các vị ẩn sĩ còn nhớ được 4 hòn núi và con đường tám ngành, đưa đến chóp núi cao nhất và viết được nhiều quyển sách bác-học về những nguy hiểm và kỳ lạ của những ngọn núi ấy. Và đầu cho cõi đời mà chúng đóng cửa ngoài lại, vẫn nuôi sống chúng và cho chúng áo mặc, chúng cảm như đã độc - lập đối với đời, và như vậy không còn cần phải từ giả khu rừng chúng ẩn núp và bắt đầu leo lên ngọn dốc cao hơn, cứ chỉ ấy chỉ một số ít làm được, và càng ít hơn

là những người leo lên tận chóp núi. Số ít người ấy không bao giờ trở về nữa.

Nhưng con sông vẫn chảy mãi mãi, như không gì xảy ra. Và như vậy nhiều năm đã trải qua trong khu rừng dễ chịu ấy, cho đến một ngày kia, tiếng gọi của con sông vang đến một số nhà ẩn-sĩ, vẫn còn giữ sống được niềm muốn giải thoát, chưa bị diệt mất hẳn. Và rồi chúng bắt đầu dẫn mình trên con đường mạo hiểm ấy, và chúng càng tiến xa bao nhiêu, chúng càng nhận thấy con sông ấy chảy về hướng mục đích mà chúng hướng tìm, và con sông ấy càng rộng và càng cuốn nhiều nước hơn, nhiều nhà chiêm bái cũng đến san sẻ chiếc thuyền rộng rãi đưa họ tiến tới.

Cứu cánh

Hình như chiếc thuyền lớn dần cùng nhịp với con sông lớn dần và toàn thể giới đều được mời lên cùng đi. Và thình lình, chúng nhận thấy con đường chánh 8 ngành đưa chúng thẳng ngang qua cuộc đời, và bước đầu tiên là sự

nhận hiểu không gì gián cách chúng ta và các bạn đồng hành, trừ đó là sự hiểu lầm cho mình là hạng người độc nhất đặc biệt. Một lần sóng tình thương ấm cúng phát từ quả tim của chúng, bao trùm những bạn đồng hành và tất cả mọi chúng sanh cho đến khi chúng cảm tự thấy rộng mênh mông và tự-do như trời rộng bao la. Con đường tình thần và con sông trở thành một và chảy về phía mặt trời đang lên và như tự hòa hợp mình trong ấy. Và hào quang của sự sống hòa lẫn với ánh sáng của mặt trời giải thoát, và hình như ngọn núi cô độc của giải thoát cá nhân nhận

sự rực rỡ của mình nhờ ánh sáng phản chiếu phát từ con sông và mặt trời lặn mà con sông ấy chảy vào.

Và hào quang của mặt trời lan tràn đầy và vô số đức Phật và các vị Bồ-Tát những vị đã đi và những vị sẽ đi vì rằng thế giới ấy không còn thời gian, và quá khứ cùng vị lai hòa hợp thành một trong hiện tại vĩnh viễn. Vậy nên, mặt trời lặn, chỗ con sông chảy đến, sẽ không bao giờ lặn, và hào quang của nó sẽ không bao giờ tàn diệt đối với những kẻ đã hướng đi theo con sông ấy.

THÍCH MINH-CHÂU dịch
Nalanda Phật-Học-Viện

Chúng tôi vừa nhận được quyền Kinh Đại-Niết-bàn do Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu phiên dịch, xin cảm ơn Thượng-Tọa, và hoan-hỷ giới thiệu cùng độc giả Liên-Hoa Nguyệt-San.

Độc-giả nào muốn thỉnh Kinh ấy, xin liên-lạc với Dịch-giả, Chùa Từ-Quang 584/1 Phan-thanh-Giản Sài-gòn.

L. H. N. S.

ĐẠO ĐỨC

'TRỞ' VỀ

Mẩu chuyện đạo của QUẢNG-HUYỆ

TR] vì kinh thành Ba-la-nại, một thời kia, là giồng họ Xu-da-sa. Nhà vua thì ham mê săn bắn hơn chăm lo đến đời sống dân chúng. Trong một cuộc săn, nhà vua mãi miết đuổi theo dăng hưu to nên lạc vào rừng sâu. Đến khi dừng lại, mệt quá, vua ngủ thiếp đi. Và lúc ngài thức giấc, ngài thấy một con sư tử cái đang ngồi cạnh liếm chân ngài ra chiều luyến ái. Ngài cũng vuốt ve hân một cách thân mật như quen biết nhau từ thuở nào...

Câu chuyện lạ lùng trên lần lần theo thời gian xóa mờ đi thì một hôm kia một ngạc nhiên khác lại đến. Người ta thấy đi vào trong kinh thành Ba-la-nại, một con sư tử cái to lớn, trên lưng nó cõng một đứa bé mới sinh. Nó đi thẳng vào cung điện, trao đứa bé cho nhà vua rồi trở lại rừng sâu.

Nhà vua không có con nên nhận đứa bé làm con mình và đặt tên cậu là Kamasa (chân vắn). Kama lớn lên rất nhanh chóng và được vua cha cho đi học ở Ta-xi-la. Tại đây, Kama làm quen với nhiều hoàng tử của nhiều nước, trong đó có hoàng tử Xutama mà ta sẽ biết đến sau này.

Đến sau khi vua cha mất, Kama được lập lên ngôi, kế tục giòng họ Xudisa. Cũng như các vua trước, Kama duy trì được nề nếp cũ. Nhưng chỉ mỗi một điều khác là nhà vua rất thêm thết. Đó là bản tính mà ông thừa hưởng của mẹ. Người đầu bếp biết tánh vua nên bữa ăn nào cũng sửa soạn đầy đủ nhiều món thết kho nướng ngon lành. Cho đến một hôm kia, trước bữa ăn, vì sơ ý, anh ta không cắt đặt đồ ăn kỹ lưỡng nên tất cả các món thết đều bị bọ ché sủa chén hết sạch. Hôm ấy là ngày lễ nên các cửa tiệm đều đóng cửa. Và chạy dù mọi nơi cũng không thể mua được một mẩu thết nào. Tình thế thật là nguy cấp. Vợ người đầu bếp bỗng nảy ra một sáng ý. Chị ta lén xẻo một miếng thết đùi của người tù vừa bị xử trảm đem vào đưa cho chồng. Rồi hai vợ chồng hối hả chiến xào với nhiều đồ gia vị thơm tho...

Mới ngồi vào bàn ăn nhà vua đã đề ý ngay đến mùi vị khác thường. Rồi nhà vua gạn hỏi tên đầu bếp về món thết mới lạ này. Người đầu bếp sợ hãi nói quanh và đến cuối cùng phải thú thật. Rồi hân nên thờ chờ sự trừng phạt mà hầu dự đoán sẽ rất nặng nề. Nhưng, nhà vua không tỏ vẻ giận giữ mà trái lại khen ngợi hân, nhà vua lại còn dặn dò kỹ lưỡng rằng sau này nhà vua chỉ thích mỗi một món thết ấy mà thôi.

Ở miền khí hậu nóng của xứ Ấn-độ khó mà giữ được thết tươi, sang đến ngày hôm sau, nên cứ mỗi ngày phải hạ thết một người. Những tên tù lần lượt đem ra chém để lấy thết dọn cho vua. Nhưng rồi cũng đến cái ngày mà nhà tù hết người. Thế là cái tên đầu bếp khổ nạn lại phải đi săn người. Những người đi về khuya thường bị bắt cóc, trẻ con đi chơi một mình thường bị mất tích, gieo một kinh khủng trong khắp kinh thành mãi cho đến một hôm người ta bắt được hung thủ. Tên đó chẳng phải ai khác tên đầu bếp của nhà vua. Người ta dẫn hân ta trước pháp đình với cả xâu thết đùi treo ở cổ hân. Hân nhận tất cả tội lỗi và cung khai là hân đã làm theo mệnh lệnh nhà vua. Dân chúng rất đỗi ngạc nhiên. Rồi nhớ đến cái giòng giống sư tử của ông vua khát máu, người ta đều hiểu được sự thật. Mọi người phấn uất, định nổi dậy lột mặt thật ông vua độc ác. Và Kama đã đứng dậy, vung gươm vạch một lối thoát để trốn vào rừng sâu cùng với tên đầy tớ.

Cũng vào thời kỳ đó, trong lúc ở Ba la nại các màn không khiếp diễn ra thì ở xứ Indra (gần Đê-li bây giờ) không khí sinh hoạt lại khác hẳn. Nhà vua thuộc họ Ku-ru và Thái-tử Su-ta-ma (tiên thân của đức Phật) là người đức hạnh. Dân chúng sống yên ổn thanh-bình. Người ta thường đọc lên rất nhiều bài thơ ca ngợi hạnh phúc và lòng đạo đức của Thái-tử. Thái-tử Xutama còn trao nhiều giải thưởng quý giá cho những đoạn văn thơ lối lạc. Hơn một lần thái-tử đã thưởng hàng chục lạng vàng cho những áng thơ tuyệt tác đến nỗi vua cha phải tìm cách khuyên can. Nhưng thái tử đều một mực xin cha được như nguyện vì theo ý ngài thì không có kho của cải nào trên đời này quý giá bằng những ý tưởng cao đẹp thoát lên từ những lời thơ hay.

Một buổi sáng đầu mùa, lúc thái tử đi đến vườn hoa để dự hội mùa xuân, Ngài gặp một ông lão Bà-la-môn. Ông lão từ Ta-xi-la đến, áo quần còn dính đầy bụi đường, đến tìm ngài để đọc cho ngài nghe 4 đoạn thơ tuyệt tác với hy vọng mong ở ngài một phần thưởng xứng đáng. Vì còn phải dự lễ nên thái-tử hẹn sẽ gặp lại ông già khi ngài trở về. Ngài không quên dặn người nhà phải đối đãi với ông già rất tử tế...

Buổi lễ đã khai diễn. Người ta chào đón thái tử trong những điệu múa tươi đẹp của hoa hồng nở, trong những lời ca trong lành như gió reo ánh sáng. Bỗng một tiếng gầm lớn. Cuộc vui dừng lại. Đoàn lính hầu cận thái tử đã sẵn sàng để bảo vệ ngài chống với một kẻ lạ mặt cao lớn, thân mình đầy lông lá trông vô cùng man rợ đang tiến về phía thái tử. Thái tử Sutama bình tĩnh hơn bao giờ hết và nhận ra kẻ lạ mặt là Kama, bạn cùng học tại Taxila. Ngài khoát tay cho lính dừng chống cự. Kama rống lên như một thú rừng rồi nhảy sỏ tới, trông khỏe như voi và nhanh như gió bão. Hân công thái tử lên vai và chạy biến vào rừng sâu.

Kama đã làm gì trong rừng này từ sau khi rời bỏ kinh thành Ba la nại. Thật khó kể hết những hành vi tàn bạo của hắn. Râu tóc hắn mọc dài ra. Áo quần hắn rách tươm, dính đầy bùn và máu. Hinh thù khủng khiếp ấy đã làm nhiều người đi trong rừng chết ngất đi trước khi biến thành thịt ngon để vào bụng hắn.

Một hôm kia, hần săn suốt ngày mà không tìm được một người nào. Lúc trở về dưới gốc cây đa dùng làm nhà cho hần lâu nay, Ka ma dúi cào ruột. Hần bỗng thấy một bóng người, Hần nhảy vồ đến, giết chết. Hần gọi tên đầu bếp. Hần gọi đã năm, bảy lần mà vẫn không thấy trả lời. Tức giận hần định đứng dậy đi tìm thì bỗng hần nhìn kỹ lại xác người nằm dưới chân hần. Đó ! người nằm dưới chân hần không ai khác chính tên đầu bếp của hần. Không một chút cảm động, hần tự tay quay thịt tên đầu bếp tại chỗ mà trước đây tên kia đã quay thịt rất nhiều người. Thế là từ ngày ấy hần phải đích thân làm đầu bếp.

Cũng chưa bằng lòng, Kama còn đón bắt 99 vị hoàng tử, phần lớn là bạn bè của hần hồi ở Ta xi-la về giam dưới gốc cây đa. Hần định bắt đủ một trăm để cùng chọc huyết một lượt lấy máu tế thần cây. (một tà thuyết nó mê chấp) và thái tử Su ta ma là người thứ một trăm.

Tất cả đều đã sẵn sàng Hần đặt thái tử Sutama xuống đất với cừ chỉ một kẻ thẳng trận. Hần tuyên bố cho Su ta ma biết ý định của hần Sutama không hề mất bình tĩnh nhưng bỗng nhiên mất thái-tử rươm rướm ướt. Ka ma cười, chế nhạo. Hần nói :

— Thái tử còn tiếc nhiều điều lắm phải không ? và danh vọng và thú vui và vợ con ngài...

Phải đối với Kama hần chỉ hiểu đến chừng ấy. Làm sao mà hần có thể biết rằng hiện thái tử Su ta ma đang nghĩ đến ông lão Bà la môn, đến bài thơ tuyệt tác mà ông ta sắp đọc cho ngài nghe, đến hy vọng được khen thưởng của ông lão, đến lời hứa của ngài với ông lão chưa được thực hiện được. Ông ta sẽ thất vọng, buồn khổ biết bao nhiêu !

Suy nghĩ một lát, thái tử Sutama bèn tỏ cho hần biết và xin hần để cho mình được trở về làm trọn lời hứa Bao đầu hần nhất định không thuận vì hần không tin rằng Sutama sẽ trở lại với hần. Nhưng đến khi Sutama chỉ vào gương mình mà thề lời thề danh dự của người Sa tu a. Chưa ai đã không thề không tin vào lời thề của người Sa tu a. Đến ngay cả với Kama, phải chăng lời thề danh dự có một tác động đến tâm hần ? Hay là hần muốn thử lòng thú

gin của người bạn của hắn chăng ? Chỉ biết rằng cuối cùng hắn chịu
đề cho thái tử Sutama trở về gặp ông lão Bà-la-môn.

*
*

Sutama được mọi người đón mừng nhưng việc đầu tiên của
ngài là đến gặp ông lão Bà-la-môn để ông ta khỏi chờ đợi. Thái tử
chăm chú nghe ông ta đọc 4 đoạn thơ tuyệt tác. Bốn đoạn thơ thật
có một mãnh lực phi thường ! Nó kích động tận tâm can những đức
tính cao đẹp của con người. Ngài ghi sâu bài thơ vào lòng. Ngài
thường cho ông lão rất hậu. Rồi ngài ghé lại từ biệt vua cha. Vua
cha không muốn cho Sutama trở lại một mình sợ thiệt hại đến tính
mạng thái tử, lại còn muốn cử một đội binh hùng mạnh để chăm
dắt cuộc đời tàn bạo của Kama. Nhưng Thái tử can vua. Và giữ
đúng lời hứa trước mặt kẻ thù, Sutama trở lại một mình.

Sutama trở về đúng hẹn làm Kama phải kinh ngạc. Sự coi thường
cái chết của ngài hơn nữa đã làm cho nó cảm phục. Rồi tự nhiên
đến lượt hắn, hắn tò mò muốn nghe bốn đoạn thơ thần diệu. Sutama từ
chối vì sợ rằng những lời thơ hay không thể để lọt vào tai kẻ không
xứng đáng. Hắn chột dạ nhưng lòng muốn biết lại mạnh hơn, nên
cố nén tức giận. Hắn từ tốn xin thái tử đọc cho hắn nghe. Một lát
sau, biết là hắn đã đến lúc bình tĩnh để hiểu, Sutama đọc lên toàn
bài thơ một cách nồng nhiệt như ông lão Bà-la-môn trước đây đã
đọc cho ngài. Bài thơ có tác dụng kỳ diệu. Nó khơi dậy các điều
lành trong tâm của một kẻ hầu như đã mất hẳn tính người. Nghe
xong, Kama yên lặng suy nghĩ. Rồi đề đáp lại hắn hứa cho Thái tử
ao ước 4 điều.

Sau khi cân nhắc, Thái tử Sutama phát biểu lần lượt các điều ước
của mình. Đầu tiên, ngài ước cho Kama, người bạn của ngài thời niên
thiếu được sống lâu: Thật không thể ngờ được, Kama không thể ngờ
được người sắp bị hắn ăn thịt lại không có một ác ý gì với hắn,
trái lại còn đặt nhiều cảm tình với hắn.

Điều thứ hai, ngài ước rằng chín mươi chín vị hoàng tử đang bị
giam cầm sẽ được trả lại tự do. Kama chấp nhận điều này một cách
dễ dàng.

Điều ước thứ ba là : các vị hoàng tử sẽ cùng được thả ra trong
một lúc, Ở đây, Kama hơi do dự một chút vì hắn sợ sẽ bị trả thù
nhưng sau hắn cũng bằng lòng.

Chỉ còn một điều ước cuối cùng. Đã ba lần rồi, Sutama chưa ước gì về ngài cả. Kama đoán chắc thế nào lần này hẳn cũng sẽ nghe thái tử Sutama ước về sự giải thoát của mình. Nhưng hẳn lắm vị Sutama đang ước ao một lần nữa về hẳn. Ngài ước rằng: từ nay về sau Kama sẽ từ bỏ cuộc đời man dã. Thật là một lời sét đánh. Trong tâm Kama đang có một cuộc nổi loạn. Hẳn, kẻ đã từ bỏ của cải, dặt đai ngói báu để được sống theo bản chất hung hãn, chứ đây hẳn sẽ trở về con đường hiền lành nhân nghĩa trước cặp mắt hiền lành của con mồi của hẳn ? Chưa khi nào hẳn có ý nghĩ như thế. Nhưng lần này có một sức mạnh đang truyền khí lực vào những cái gì tốt còn sót lại trong tâm nó. Và bài thơ ban nãy và người đang đứng trước mặt nó, quả đã tiếp sức cho nó một nguồn lực, một nguồn lực tinh thần dồi dào. Cho nên trong cuộc chiến đấu bên trong. Kama đã tự thắng được mình.

Kama đã tự thấy được tội ác của mình. Nó hối hận quá, sụp xuống dưới chân thái tử Sutama tỏ lòng muốn quay về đường lành. Trong lúc đó trên khắp cõi trời đất, vạn vật đều rung động tỏ nỗi vui mừng chào đón sự thắng lợi của thái tử Sutama.

Thái tử hoan hỷ đỡ Kama dậy, giúp Kama thực hiện những điều đã thuận thi hành, Kama cắt dây còi trời, trả lại tự do cho chín mươi chín vị hoàng tử trước sự vô cùng ngạc nhiên của họ.

Nhưng điều quan trọng cần phải giải quyết là việc đưa Kama trở lại kinh thành Balanai. Làm thế nào bảo rằng không còn sự căm hờn của dân chúng, của những kẻ bị mất con, mất chồng, mất người thân thuộc ? Tội ác của tên đầu bếp, hẳn đã nhận cái hậu quả tai hại trong dạ dày chủ nó rồi. Còn tất cả tội lỗi, của Kama, Kama phải chuộc bằng tất cả việc lành sau này của mình. Ai phải bảo đảm điều đó với dân chúng ? Giải quyết khó khăn này, không thể trông cậy vào người nào ngoài Sutama.

Thái tử Sutama cùng với 99 vị hoàng tử đưa Kama về thành. Ngài đứng ra phân giải với dân chúng, Tin ở ngài dân chúng bằng lòng tiếp đón Kama.

Ngày hôm sau khắp kinh thành mở hội. Trước mọi người, Kama, hứa giữ gìn tập tục tốt và đức hạnh. Rồi nhà vua mời 99 vị hoàng tử và thái tử Sutama cùng dự bữa tiệc chào mừng ngày trở về của đức hạnh trong tâm can con người, ngày thắng lợi của lẽ phải, ngày hết lo âu của kinh thành.

ĐÈN NỬA ĐÊM

*Kính song lãnh tâm tam canh nguyệt
Thuyền thất hư minh bán dạ đăng.*

Biết mấy đêm dài lặng lẽ qua,
Tâm tư - cõi mở ý chan hòa.
Cuộc đời mộng huyền mờ xa bóng,
Mỗi phút âm thầm lại nở hoa.

Trong cảnh an lành tỏa ngát hương,
Mùi thuyền xóa nhạt bóng đêm trường.
Thời-gian chìm hẳn vào quên lãng,
Pháp vị lan dần khắp tứ phương.

Phiền não vô biên vắng lặng dần,
Tâm hồn Đạo-Sĩ vọng Siêu-Nhân.
Mơ màng từ độ xa xăm ấy,
Thức tỉnh về trong ý nhập thần.

Huyền diệu bao trùm đèn nửa đêm,
Cánh ba trăng sáng chiếu quanh thêm;
Bóng đèn thuyền - việi rung rinh sóng,
Ánh sáng soi vào hồn sáng thêm.

Vô-thi vô - chung quá nhiệm màu,
Đèn lòng sáng mãi suốt canh thâu
Đêm đêm gió nhẹ luồn khe cửa,
Mang những hương trinh các địa - cầu.

HUYỀN - KHÔNG

THẬT LÀ MỘT PHƯƠNG-PHÁP KỶ - DIỆU

MỚI xem qua đầu đề « Phương-pháp kỷ diệu » không khỏi có bạn đọc bảo : « Hoài-Mai lại kể những chuyện phát minh khoa học ở Âu Mỹ chứ gì ? » Nhưng xin thưa : « Phương-pháp kỷ diệu » ở đây là một phương pháp rất thông thường mà bạn và tôi cũng như tất cả hàng Phật-tử chúng ta thực hiện hàng ngày. Đây là Phương-pháp niệm Phật.

Đối với vấn đề niệm Phật một số người còn có những quan niệm sai lầm. Họ bảo : « Người Phật-tử biết noi gương Từ, Bi, Hỷ, Xả của đức Thế Tôn, dốc lòng làm điều từ thiện là

được rồi, cần gì phải bỏ nhiều thì giờ để tụng niệm. « Nói như vậy tức chưa quan niệm niệm Phật đúng với làm quan trọng của nó.

Chúng ta ở đời không thể sống qua một giờ phút nào mà không có ý-niệm, vì tư tưởng là yếu tố tiêu biểu của loài người. Nhưng ý-niệm của chúng ta thường bị ảnh hưởng không tốt của hoàn-cảnh hiện tại chi phối (Tân-huân chủng-tử), hoặc bị tập khí bất thiện của nhiều kiếp lưu lại (Bản hữu chủng-tử) nhiễm vào, nên phần nhiều bị sai lạc không chân chính. Ý-niệm làm chủ hành động, nếu ý niệm không

chân chính thì làm sao hành động được hợp lý, quang minh? Những tội lỗi ở thế gian này hầu hết đều do ý-niệm xấu gây nên.

Trong khi niệm Phật chúng ta nghĩ đến đức Từ-Bi, đến tình nhân loại, đến mối tương quan mật thiết giữa mình và người, chúng ta sẽ ngăn đuổi lần lần những tư tưởng xấu xa. Ý-niệm của chúng ta sẽ được gạn lọc, từ si mê trở nên sáng suốt, từ giả ngụy bước lên chân thành. Ý niệm chân thành, như đức Khổng-Tử nói, là điều kiện tối yếu để giữ Tâm cho Đoan chính. Tâm có Đoan chính mới sửa chữa bản thân và tề gia trị quốc được. (Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Tâm chánh nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc - trị...) **Vậy niệm Phật là Phương pháp kỹ diệu để chuyển đổi vọng niệm trở thành chánh niệm.**

Phiền não của loài người do đâu sinh ra? Do những ý niệm thiên lệch, dục vọng vô độ gây ra cả. Niệm Phật tức suy nghĩ đến tinh cách Vô

Thường, Khổ, Không, Vô Ngã. Thấu hiểu được bốn chân lý ấy làm cho con người rời bỏ những ham muốn si mê, biết tri túc, tri chí, đề bước lên con đường Tri-Tuệ. Có bước lên đường Tri-Tuệ mới giải thoát được sầu khổ ở hiện tại và tương lai. **Vậy niệm Phật là phương pháp kỹ diệu để trừ bỏ phiền não.**

Đức Phật là đáng đức hạnh hoàn toàn, vì Ngài đã dày công tu luyện trong nhiều đời nhiều kiếp. Trong những đức hạnh ấy có những đức hạnh căn bản như Từ bi, Tri-tuệ, Thanh tịnh, Tinh-tấn và Hy-xả. Khi chúng ta niệm Phật chúng ta suy nghĩ, nhuần thấm những đức hạnh ấy. Suy nghiệm những hạnh lành, tức là gây trong tâm trí ta những thiện niệm. Hoài bảo những thiện niệm là bước đầu của con đường khắc kỷ, tu thân.

Vậy niệm Phật là Phương pháp kỹ diệu để trau dồi đức hạnh.

Cảnh trí của non sông, phong quang của vũ trụ từ nghìn xưa có khác mấy ngày nay.

Nhưng tại sao có khi ta nhìn non sông mà cảm thấy tủi buồn đau khổ, lúc khác lại thấy phấn khởi hân hoan, nếu không phải chúng ta đã ngấm hoản cảnh qua « kinh tâm niệm » chủ quan của ta là gì? Nếu tâm niệm của chúng ta được sáng suốt, hướng về đức Từ Bi, Hỷ Xả, lòng ta được thanh thoát siêu nhiên thì ở trong hoàn cảnh nào mà chúng ta lại không thấy an lạc, vui tươi?

Một nhà học giả Tây phương đã nói: « Tụng niệm tức là vươn lên một nghị lực tối cao của con người. Ảnh hưởng của sự tụng niệm trên tinh thần và trên thể chất con người không khác nào ảnh hưởng của những hạch nội tiết. Sự tụng niệm có những hậu quả kỳ-diệu: người ta thấy thể chất phấn khởi, trí tuệ minh mẫn, tâm hồn thanh cao và người ta thông cảm sâu sắc với những thực tại làm cơ sở cho sự giao tế của loài người. Sự Tụng niệm chân chính là một lối sống. Đời

sống có ý nghĩa nhất phải là đời sống tụng niệm » (La prière est la plus puissante forme d'énergie que l'homme puisse produire. L'action de la prière sur l'esprit et le corps humain se démontre au même titre que celle des glandes endocrines. Ses effets se produisent par un regain de dynamisme physique, de vigueur intellectuelle et morale ainsi que par une plus profonde compréhension des réalités sur lesquelles se fondent tous les rapports humains. La véritable prière est un mode de vie. L'existence la plus vraie est littéralement une existence de prière A. C.)

Như thế Tụng niệm không phải là một phương-pháp để cải tạo hoàn-cảnh xây dựng cuộc đời hay sao?

Trong những trường hợp nào chúng ta cần niệm Phật?

1. Niệm Phật trong khi có người lâm chung. Đề cầu siêu

cho người vắng sanh tịnh-độ. (Theo trong kinh A-Di-Đà) Niệm Phật trong dịp này còn là một cách an ủi cao qui nhất, chân thành nhất của chúng ta đối với gia-đình đau thương, một cách nhắc nhở người đời nhớ đến cảnh vô-thường để mau mau trở về với đức Phật.

2. Niệm Phật khi gặp cảnh tai biến. Trước cảnh tai biến tâm trí người ta thường mất bình tĩnh, bị rối loạn, vì thế mà tai biến có thể tăng lên. Ta niệm Phật để cho tâm được bình tĩnh. Với tâm bình tĩnh người ta mới chiến thắng được những cảnh nguy nan, và được đức Từ-bi cứu hộ (như trong kinh Phổ-Môn v.v.)

2. Niệm Phật trước khi ăn. Niệm Phật trước khi ăn để nhớ công đức những người đã cho ta được hưởng phước an lành. Tụng niệm ở đây nhắc nhở chúng ta làm thế nào cho xứng đáng những ân huệ mà ta được hưởng thụ.

3. Tụng niệm trước khi học tập. Tụng niệm trước khi

học tập để tâm trí được sáng suốt, tinh tấn và cũng để tự nhắc nhở mục đích của sự học tập của con người Phật tử không phải vì danh lợi mà cốt để rèn luyện tâm tính, diệt trừ mê lầm.

4. Niệm Phật trước khi đi ngủ và sau khi thức dậy. Niệm Phật trước khi đi ngủ không những để kiểm điểm lại công việc ngày qua mà còn để cho những thiện niệm nhuần thấm vào tiềm thức trong khi ta ngủ.

Niệm Phật sau khi thức dậy để hướng mọi việc của chúng ta trong ngày sắp đến họp với tinh thần Từ Bi, Hỷ Xả của đức Phật. Có như thế thì việc làm của chúng ta mới có ý nghĩa để cải tạo bản thân, xây dựng cuộc đời cho chúng ta và góp phần vào việc xây dựng một đời sống chung Lành Mạnh.

Tiết Vu - Lan Mậu - Tuất
HOÀI-MAI



MỘT TÂM HỒN

Chuyện ngắn của NHƯ-KHÁNH

Chiều nay, mặt trời vừa khuất sau dãy Trường sơn, trên sông Hương còn loang loáng những tia sáng cuối cùng, tôi lại gặp hẳn đi lang thang trong vườn hoa Nguyễn-Hoàng Hân tên gì có lẽ không cần biết, chỉ biết hẳn là con một nhà giàu có, ông thân hẳn là một tay cự phách ở quận P.V. Ngày trước hồi hẳn còn học với tôi ở lớp 6 trường K.Đ., hẳn đã đưa tôi về chơi nhà hẳn 1 lần. Nhà xây kiểu chữ môn, bằng gỗ mít chạm trổ rất tinh xảo bóng loáng. Thuở ấy tôi cứ nghĩ, với gia tài ấy, hẳn tọa hưởng suốt đời hẳn, đời con hẳn cũng chưa xuê.

Nhưng, sao hôm nay cậu con trai của nhà đại điền chủ ấy lại trông thân tàn ma dại thế...

— À, T còn nhớ tôi nữa không? Khánh đây mà. Sau vài phút bờ ngõ, cặp mắt hẳn sáng hẳn lên.

— À Khánh, chà trông bữa ni ra thày giáo quá nhìn không ra.

Tôi kéo T lại quán giải khát gần đây để « hàn huyên » Sau vài phút im lặng tôi liền mở đầu.

— Sao mà T thay đổi nhiều thế. Ông cụ bà cụ còn mạnh không, A uống bia nhé.

T mỉm cười, nốc một hơi hai ly bia đầy. Với giọng trầm trầm bắt đầu kể :

— Khánh ạ, chắc Khánh còn nhớ cái gia tài của ông bố mình bằng non bằng biển ấy thế mà sạch sành sanh. Từ ngày tiếng súng lan rộng trong quận mình là ngày mà gia đình mình bắt đầu suy sụp. Ông cụ mình bị giết, lúa thì bị cướp một phần, chấy một phần. Thế là cả gia đình tan tác mỗi người mỗi nơi. Riêng mình từ đấy buồn quá, mình không còn kể gì nữa. Nhưng của cải còn sót lại, mình tiêu pha vào cuộc đời ăn chơi. Lúc ấy mình mới cảm thấy thấm thía những câu thơ của Ôn-Như-Hầu:

« Lò cù nung nấu sự đời,

Bức tranh vãn cảnh vẽ người tang thương »

Từ đấy, Khánh ạ, trong 7, 8 năm trời, mình tha hồ ăn chơi trong tiếng cười, ly rượu Martel uống « xêch » như không. Và đêm đêm, trên mặt dòng sông Hương, dưới ánh trăng huyền ảo của đất Thần Kinh, mình muốn học đời Lý Bạch, để tâm hồn tan ra theo làn sóng, theo tiếng đàn, Giữa cõi trời đất mông lung ấy, mình tưởng đã quên được, đã học được Vũ hoàng Chưong ;

Đưa tôi về tận cuối trời Quên,

Và có lúc mình tự hào vô cùng, cho rằng mình tận hưởng được cái nghĩa của chữ sống hơn bao kẻ khác, mình đã từng trải mùi đời. Nhưng rồi mình vẫn trở về cái tối lạnh lùng muốn thuở. Mình đã làm Khánh ạ, càng chìm sâu vào những truy hoan ấy, mình chỉ càng cảm thấy chua xót thêm, chán nản thêm và tất cả sự thật phũ phàng của cuộc đời càng hiện lên rõ rệt. Giọng ca Huế ai oán như oán hồn một thuở nào còn vương lại. Và sau những phút cuồng loạn, mình thấy con người vô nghĩa đến thế, thân xác mình ư? T rung mình khi nghĩ đến những sự huỷ hoại của một ngày kia của nó.

— Mình chán lắm rồi. Mình sợ lắm những tiếng rên xiết, than khóc, những tiếng đàn ngân lên như những giây thần kinh rung chuyển... Mình không còn thiết gì nữa ... Tất cả, tất cả không hơn không kém một làn khói thuốc thơm. Nói đến đây T ngồi im buông xuôi tay nhìn ra xa màu trăng xanh nhạt chờn trên mặt sông Hương, như những con sóng nhẹ đang xao xuyến trong lòng T. Tôi liền đỡ lời:

— Sao trông anh gầy quá, Thế bây giờ anh làm gì và vẫn chìm sâu vào cảnh tàn tạ ấy ư ?

T cười xoa hai tay đáp :

— Không Khánh ạ, cũng may tuổi trẻ tôi chưa đến nỗi phải bỏ đi, tội lỗi tôi chưa phải một thứ bệnh kinh niên không phương thuốc cứu chữa, thằng T bạn của Khánh hôm nay đã khác thằng T cách đây 2 năm lắm rồi. Giá anh gặp tôi 2 năm về trước thì cũng thế đấy. Tôi đã nhờ một sự tình cờ, một sự tình cờ đã đưa bao người về với ánh sáng, chân lý vĩnh viễn như Descartes chẳng hạn... Tôi nhờ cái tình cờ ấy đã mở sáng mắt tôi ra đã làm cho tôi nhận rõ cái hình hài vô nghĩa của tôi, cái tâm hồn của tôi. Cái tình cờ ấy là một hôm tôi lẻ cái thân tàn ma dại của tôi đến nhà một ông Bác ở một làng nơi hẻo lánh giữa rừng sâu của miền núi Quảng-Trị. Tôi tưởng đó là một cái huyết sấu đang chôn biết bao gia đình qua tháng ngày âm-đạm của sốt rét, của chân nân... Ở đây hình như thiếu hẳn chân trời... Và tôi cũng muốn nương nhờ cái huyết ấy để chôn nốt quãng đời còn sót lại nếu được ông bác tôi bằng lòng.

Gia đình bác tôi sống rất thanh đạm. Bác trai, bác gái, người chị tôi vào khoảng 20 tuổi và một anh tôi vào khoảng 12 tuổi đều chăm chỉ làm lụng. Nhà ở là một ngôi nhà tranh không chặt lắm nhưng rất sạch sẽ, gọn gàng. Ở căn giữa thiết một bàn thờ Phật, đơn giản mà uy nghiêm. Tôi tới vào lúc hoàng hôn xuống, trong lúc bên ngoài đều chìm trong cái cô tịch của núi rừng hoang vu thì cả gia đình bác tôi đều tụng kinh. Tiếng chuông mõ vang lên đều đều..

Lần đầu làm quen với cái không khí trầm tịch ấy, tôi lấy làm khó chịu vô cùng. Tôi bỏ chạy ra sân, nhưng một điều làm cho tôi hết sức ngạc nhiên, là tất cả nhà nào cũng đều thế cả. Khắp xóm, tiếng chuông mõ vang lên nhịp nhàng như tiếng nói vọng về từ một cõi xa xôi nào ... Tôi đứng im trông lạnh cả người. Và tôi thú thật với Khánh lần đầu tiên trong 10 năm nghiêng nước, bốc trời vừa qua, tôi đứng yên hàng giờ để lắng nghe tiếng tụng kinh và cũng để lắng nghe tiếng lòng mình. Lần đầu tiên tôi thấy sao xuyên lạ thường, và tự nhiên hai giòng nước mắt tôi trào ra. Tôi tự bảo mình : « ừ cứ vào ngồi quỳ xuống xem thử nào » và tôi hôm ấy trong giấc mộng, tôi thấy có một bàn tay thân dịu đã rắc những đóa hoa sen đẹp để lên cái thể xác tàn úa của tôi,

Dần dà tôi sống ở đây được 1 tháng, nhờ cái không khí thân yêu, ấm cúng gia đình, nhờ những buổi đàm đạo về giáo lý với bác tôi là Khuôn trưởng ở đây, tôi thấy tình quê hương, tình gia đình bừng sống dậy trong lòng mình...

Và rồi một buổi chiều... Tôi còn nhớ là vào ngày vía của đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, ở niệm Phật đường của khuôn có làm lễ Quy-Y cho một số đạo hữu mới, và có vị sư ở tỉnh hội về Truyền-giới... Cả xóm đêm ấy như một ngày hội lớn.

Sáng hôm sau trong lúc vị sư ở tỉnh hội đang chào mọi đạo hữu để ra về thì anh con bác tôi, chạy lại quỳ xuống xin theo Thầy. Mọi người trong khuôn đều ngạc nhiên, cả bác tôi cũng thế. Anh tôi bèn tới quỳ thưa Bác tôi qua hai giòng nước mắt: « Thưa cha, con biết con là con trai một, tuy con còn nhỏ mới 12 tuổi nhưng con xin phép cha cho con theo Thầy để học đạo ». Bác tôi ngồi im lặng và cả vị sư cũng đứng nhìn anh tôi.

Anh tôi đã nhất quyết từ nay đem cuộc đời mình hiến cho chánh đạo...

Tôi đứng đấy... tưởng cả mọi việc như là một cơn mộng ừ sao mà trong tâm hồn bé bỏng ấy sớm tìm ra được chân lý của cuộc đời thế...

Bác tôi rung rung nước mắt, bằng lòng. Anh tôi bèn chạy về nhà mặc một chiếc áo dài nâu và ôm một gói quần áo đi theo...

Trong buổi tiễn đưa thầy xuống thuyền hôm ấy, cả gia đình Bác tôi đều đứng mãi nhìn theo đến khi thuyền khuất, trong rừng sâu... Từ đây gia đình bác tôi vắng một người nhưng cũng đã cứu được một người... là tôi.

T. kể chuyện đến đây thì từ một rạp xi-nê, tiếng nhạc vọng lên, vẫn cái điệu nhạc cuồng loạn của nambo... T vội vã bắt tay tôi cười nói;

— Thôi đi chỗ khác nói chuyện Khánh ạ, T không còn muốn nghe cái điệu nhạc đã một thời làm mờ mắt T nữa.

Từ sông Hương, trôi vào ngọn gió đêm mát rượi như tiếp sức thêm cho một tâm hồn đang sống lại...

Huế, ngày 2-8-1958.

NHU - KHÁNH

ĐẠI-HỘI LỊCH-SỬ

Tôn-giáo thế-giới tại Nhật

THÍCH THIÊN-ÂN

VĂN-minh vật-chất đã giúp con người mọi tiện nghi trong cuộc sống thì vấn-đề luân-lý đạo-đức trong lãnh vực tinh-thần, cũng cần phải được phát-triển mạnh để giữ mức thăng bằng cho sự tiến-hóa của xã-hội. Nếu không có những tổ-chức tinh-thần ấy thì văn-minh vật chất sẽ trở thành nguy hại, nếu không phải là những lợi khí đưa con người đến chỗ đau khổ và diệt vong. Lịch-sử nhân-loại hiện tại đã chứng minh điều này.

Vì cảm nhận sự phát-triển tinh-thần, nhất là vấn đề luân-lý, đạo-đức, và tôn-giáo là một sự cần thiết cho thế-giới hiện

tại, nên các nhà tôn-giáo, học-giả và triết-nhân trên thế-giới đã chung sức, hợp lòng mở ra những hội-nghị nghiên cứu lịch-sử các tôn-giáo và phát huy tinh-thần từ-bi bình đẳng của các tôn-giáo để phụng sự nền hòa-bình vĩnh-viễn của nhân-loại.

Hội-nghị nghiên cứu lịch-sử tôn-giáo thế-giới này đã thành-lập trước đây 9 năm, và mỗi năm có mở một cuộc đại-hội để trao đổi ý kiến và thuyết-trình những kết quả đã nghiên cứu được trong năm. Đại-hội này được tổ-chức mỗi năm ở một nước khác nhau. Các năm trước đã tổ-chức ở các nơi như La-

Mã, Ấn - Độ v. v. . . và lần đại - hội thứ 9 này được cử hành long trọng tại Công-hội-đường Sankei Hall ở Đông-Kinh (Nhật) trong gần 2 tuần từ ngày 27-8-1958 đến ngày 9-9-1958 vừa qua.

Theo giới các cuộc nghiên cứu, thảo - luận và thuyết-trình của hội-nghị, chúng ta thấy đây là hội-nghị tôn-giáo, có tánh cách học-thuật hơn là một hội-nghị có dính dấp đến chính-trị. Thật vậy, đây là một hội-nghị để trao đổi kiến-thức, tư tưởng và học thuật về các tôn giáo trên thế-giới, với một mục đích là tăng cường sự hiểu biết, cùng thắt chặt tình bang giao thân hữu của các tôn-giáo trên thế-giới, chứ không phải là một hội-nghị chính-trị, vì thế ở đây vấn đề chính-trị không đề cập đến.

Với một tôn-chỉ và mục-dịch như thế nên chúng ta thấy có rất nhiều các nhà học-giả trú-danh, các nhà tôn-giáo thuần-túy đến tham dự. Kề ra thì có gần 200 đại-biểu các tôn-giáo trong gần 30 nước đến tham dự, đó là chưa kể hơn 500 đại-biểu các tôn-giáo ở Nhật - Bản. Vì

thế nếu so sánh thì hội nghị thế-giới tôn-giáo này cũng được rất nhiều nước tham dự, chẳng kém với các hội nghị có tánh cách thế-giới khác đã được cử hành từ trước tới nay. Trong số các đại-biểu ngoại quốc đến tham dự ấy chúng ta thấy có đại-biểu : Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Hòa - Lan, Ý, Ấn - Độ, Hồi-Quốc, Tích-Lan, Diến - Điện, Thái-Lan, Phi-luật-Tân, Nam-Dương, Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam v. v. . . Trong số đại-biểu của Việt-Nam có đạo hữu Mai - thọ - Truyền, Hội-Trưởng Hội Phật - Học Nam-Việt và vài vị Phật-tử khác.

Trong cuộc đại - hội này vì nghiên cứu thì rộng mà ngày giờ thảo luận, thuyết trình thì ngắn, vì thế sau lễ khai mạc có mặt hoàng thân Takahito Mikasa, các vị cao cấp trong chính-phủ Nhật-Bản, cùng một số ngoại-giao-quan đến tham dự, hội-nghị chia làm 3 tiểu ban như sau :

Tiểu ban I : Tiểu ban này chuyên nghiên cứu, thảo luận và phát biểu các vấn đề nằm trong các phạm vi : Vĩ-khai tôn-giáo, cổ-đại tôn-giáo, cận-đại

tôn giáo, hiện đại tôn-giáo và các vấn đề trọng đại trong tôn-giáo-học hiện thời.

Tiểu ban II: Tiểu ban này chuyên nghiên cứu và thuyết trình các vấn đề: ảnh hưởng của tôn-giáo đối với nền tư tưởng, học-thuật Đông Tây và sự trao đổi văn-hóa, sự tương đồng giữa các tôn giáo đã được phát kiến trong khoảng 100 năm lại đây.

Tiểu ban III: Tiểu ban này chuyên nghiên cứu và phát biểu tình trạng và lịch-sử đặc biệt của tôn-giáo ở các quốc-gia, đô-thị và địa-hạt khác nhau trên thế-giới.

Tuy đã chia làm 3 tiểu ban như thế, nhưng trong khi thuyết trình hội-nghị lại còn chia ra làm từng khoa nhỏ như: Phật-Giáo, Thiên-Chúa-Giáo, Ấn-Độ-Giáo, Hồi-Giáo, Nho-Giáo, Đạo-Giáo, Thần-Đạo v. v. . . Tuy chia ra từng khoa nhỏ như thế, nhưng vấn đề Phật-Giáo thì được chú trọng hơn cả, vì hơn một phần nửa số đại-biểu các nước đến tham dự, đều là những vị Triết-nhân, Bác-học

về Phật-Giáo. Có đi dự các hội-nghị tôn-giáo có tánh cách thế-giới như thế này, chúng ta mới có dịp biết được sự hâm mộ nhiệt nòng, cùng sự nghiên cứu tường tận về Phật-Giáo của các nhà học giả, Đông Tây. Đó thật là một biểu tượng quay về với Phật-Giáo của nhân-loại mà giới trí-thức, học-giả, triết-nhân là người tiên phong đó vậy.

Ở hội-nghị này, ngôn ngữ duy nhất được dùng trong các cuộc thảo luận và thuyết trình là Anh-Văn, nhưng có một vài vị dùng Pháp Văn hoặc Nhật-Văn rồi dịch ra Anh-Văn.

Nhân dịp hội-nghị nghiên cứu lịch-sử tôn-giáo thế-giới này, các nhà học-giả ở Nhật Bản cũng đã xuất bản những quyển sách bằng Anh-Văn để tặng trình cho các đại-biểu đến tham dự. Như cuốn: (1) Hiện tình tôn-giáo của Nhật-Bản (ban tổ chức soạn), (2) Các tôn giáo trên thế-giới (giáo sư Ishitsu soạn) (3) Các tôn-giáo trong Phật-Giáo Nhật-Bản (Giáo-sư Iwamoto soạn) (4) Các tôn-giáo tân-hưng

ở Nhật-Bản (Bác-sĩ Nieda soạn) (5) Trung - đạo tư tưởng sử (Bác-sĩ Shoson Miyamoto soạn) (6) Sự liên quan giữa Đạo-giáo và Thuyền - tôn (Bác-sĩ Kojun Fukui soạn) (7) Công - cuộc vận động hiệp tác của các tôn giáo ở Nhật - Bản (Giáo - sư Nakano soạn). Ngoài ra, còn các cuốn như Thuyền tôn với dân tộc Nhật-Bản, Hoa đạo và tôn-giáo, Trà-đạo và tôn-giáo v. v. .. cũng được tặng trình trong dịp này.

Căn cứ vào các tác phẩm, cùng các đề tài nghiên cứu trên, chúng ta cũng đã thấy được một phần nào mục đích của cuộc đại hội lịch sử tôn giáo thế giới này, cũng như đề rõ được sự cố gắng cùng năng lực của các nhà tôn-giáo học - giả ở Nhật-Bản, nhất là các nhà học giả trong giới Phật-Giáo.

Hội-nghị chia ra từng Tiểu ban như trên và tiếp tục thảo luận thuyết trình tại Đông Kinh từ ngày 27-8-58 đến 4-9-58 ở Công-hội-đường Sankei Hall-Tokyo. Tiếp đến là chương trình đi khảo sát các danh lam thắng cảnh, nhất là các tự viện

tháp miếu có tánh cách văn-hóa, lịch-sử và tôn giáo ở các tỉnh Nikko, Kamakura, Ise, Nara và đến ngày 9-9-58 thì làm lễ bế mạc ở Công-hội-đường của tỉnh Kyoto.

Những bài thuyết trình bằng Anh-Văn trong hội-nghị này sẽ được in lại thành sách và sẽ gửi tặng cho các tổ chức tôn-giáo trên thế giới, cùng các đại biểu đã có tham dự trong cuộc hội-nghị thế giới tôn giáo này. Đó là một công trình lịch sử của nhân-loại trong công cuộc phát huy tinh - thần đạo đức, tín-ngưỡng qua tổ chức của tôn giáo, chúng ta hãy chờ đón xem.

Riêng về giới Phật tử, nhìn xem cả một sự chuyển hướng về với ánh sáng Phật - đà của các giới học-giả Đông Tây, qua hội-nghị thế giới tôn-giáo này, chúng ta hãy khởi niệm vui mừng hoan hỷ và nguyện tận lực hoằng dương đạo pháp để góp sức, chuyển hơi với các giới Phật - tử trên thế - giới để gây dựng hạnh-phúc hòa-bình vĩnh viễn cho nhân-loại chúng sanh.

Tokyo ngày 10-9-58.

THÍCH THIÊN-ÂN

ĐÊM

TÙY BÚT

CỔ TÂM - HỸ

*Trong đêm trường nhưng vẫn thấy lưu ly
Ngời chói sáng trên bước đường vô tận*

HUYỀN - KHÔNG

MỘT cơn lạnh buốt cả người thỉnh linh đánh thức tôi dậy. Tôi bàng hoàng mở mắt, và chạm phải khối đen đặc của Đêm. Tôi muốn ngồi lên, nhưng có cảm tưởng như sắp vướng một vật gì một chướng ngại trong khối đen đặc ấy; nên lại nằm yên. Tôi lại có cảm tưởng nếu tôi lăn ra một chút khỏi giới hạn của chiếc « đi-văng » thì tôi sẽ rơi xuống trên những mái nhà. « Quái lạ nhưng đây là đâu ? » Tôi tự hỏi mà không tài nào nhớ nổi; tuy thế tôi vẫn tin chắc rằng cảm tưởng ban này không sai, « vì nếu không thì ai đặt vào đầu mình cái ý nghĩ kỳ quái ấy ? » Tôi nhủ thầm, và trở nên cần thận.

Rét ! Một hơi rét xa lạ. Tôi dang hai tay ra hết mức vẫn không sờ thấy mép giường; tôi yên tâm sờ soạng khắp chiếc « đi-văng » rộng nhưng không tìm được một tấm « ra » mỏng. Tôi đành nằm rút lại cho đỡ lạnh, mắt mở hẳn nhìn bóng đêm và tỉnh dần. . .

Nha trang... Phải, đây không còn là Đà-lạt, xứ của mùa đông bất diệt nữa. Xe đồ ở thành phố Nha-trang

lúc bốn giờ chiều trút hành lý tại nhà cô tôi rồi đưa chúng tôi ra biển. Tắm biển, lội nước ở Hòn Chồng, tắm mộ rồi trở về nhà Cô. Đây là một gian phòng trên gác. Chỉ có một chiếc đi-văng rộng và một chiếc bàn nhỏ, hình như thế. Tôi đã ngủ ngay khi đi chơi về thì phải. Ôi Những bài hát... Tôi nhớ ra rồi, dường như còn văng vẳng bên tai. Những bài hát không nhằm lúc cứ eo éo đến nhưc cả óc:

« Hạt mưa, mưa rơi tí tách, mưa xuyên qua màn... » trong lúc trời khô ráo và tôi thì không cần nghe nhạc chút nào. Tiếng hát nhỏ, rõ ràng và gần, rất gần đến nỗi tôi ngỡ rằng máy thu thanh đặt ở đâu đây trong gian phòng và ai đã có nhã ý vặn cho tôi nghe để ngủ. Tôi bực mình đứng dậy, đi tìm đề tắt nhưng chẳng thấy bóng dáng nó đâu. Tôi đi ra phía cửa sổ nhìn xuống. Những mái nhà ngói san sát kề nhau. Tôi nhìn qua một lỗ trống giữa hai mái nhà thì thấy một cửa sổ nhỏ có chấn song. Bên ngọn đèn, có một cô gái đang ngồi cạnh chiếc máy thu thanh và vặn nhỏ, vặn nhỏ dần ...

Thế là tôi đã tìm ra chỗ phát âm. Than ôi, lại không phải là chiếc máy đặt trong căn gác tôi đang ở để cho tôi được chấm dứt những bài hát vô vị và ngủ cho yên thân. Tôi nhắm mắt ngủ với một cảm giác bực bội, âm thanh của điệu hát khả ố len dần vào trong mơ... Tôi lại đề ý lúc đó rằng cái giường tôi kê ngang và sát thành cửa sổ không có chấn song.

Những mái nhà san sát... Tôi sẽ té xuống đó nếu không cẩn thận. Ý nghĩ ấy đối với tôi khi đứng nhìn người con gái đang vặn nhỏ chiếc máy thu thanh. Và tôi vẫn giữ mãi nó trong khi tiếp tục ngủ, cho nên mở mắt ra là tôi cảm thấy mình để phòng mà chưa hiểu vì sao.

Nhưng rét quá! Nha - trang đâu lại rét thế này nhỉ. Tôi mỉm cười nhớ đến em Hoài-Chân. Nếu có em tôi sẽ bảo « đây không phải Nha - trang » để cho em viện hết bằng chứng ra mà cãi với tôi một cách hùng

hồn và ngây thơ. Hoài Chân đã lên tám. Mọi khi em vẫn ngủ với tôi; chúng tôi thường hay chợt thức giấc cùng một lúc vào nửa đêm đen rồi trò chuyện bằng quơ. Đại khái là những truyện phi-lý do tôi bịa ra để làm đầu đề cho cuộc tranh luận. Chẳng hạn một hôm chúng tôi đi ăn giỗ tại nhà thờ ngoại và ở lại đêm, hai chị em cùng ngủ trên chiếc sập Hoài Chân đố tôi: « Em đố chị đây nhà ai? » Tôi vờ đáp: « Nhà mình chứ nhà ai nữa! Hoài-Chân rõ ngớ ngẩn quá. » Thế là em thích trí cười vang rồi dẫn cả một trống chúng có đề giải thích cho tôi rõ « đây không phải nhà mình »:

— Này nhé! Hồi sáng chị mặc cho Hoài Chân một chiếc áo màu vàng nầy chị đi xe với Hoài Chân lên An Cựu nầy, chị ghé chợ mua quả phỉ nè, để kị ông ngoại nầy... và Hoài-Chân cho chị một trái ổi chín hái ở vườn ngoại trong lúc chị gói bánh với dì Cả Chị nhớ ra chưa!

Tôi phủ nhận tất cả: « không bao giờ có kị. Không bao giờ Hoài-Chân có cho chị ăn ổi. Em chỉ nằm mơ. »

Cũng có khi Hoài-Chân cãi không lại rồi ngủ thẳng, nhưng phần nhiều em biện luận rất lâu và sáng mai lại thì nhìn tôi cười đắc thắng. Hoài-Chân dễ yêu biết ngần nào! Đến bao giờ tôi mới gặp lại em Cả mẹ tôi nữa, bây giờ cũng đã xa lắm rồi. Tôi cảm thấy trơ trọi, bơ vơ.

Rét quá! Bóng đêm vẫn đen dày. Cảm giác tê tái vì lạnh và nhớ nhà thấm dần vào người tôi, và tỏa khắp không gian.

Mờ mịt quá! Đêm tràn gian, và đêm của tâm hồn. Than ôi, đến bao giờ tôi mới được trở về? Đêm còn bao lâu nữa? Đen quá! Một màu đen vô tận: Tôi cảm thấy mình đang nằm trong một nắm mồ bao la. Tự bao giờ, tôi không hay biết. Nhưng ai sẽ cứu tôi ra khỏi màn đêm thê thảm này? Đây là một cảnh ruộng bõ, hay chỉ là nghiệp lực mà thôi?

Có tiếng chân bước xa xa, ở phía cầu thang. Mẹ đến bên giường, phủ lên người tôi chiếc áo choàng của mẹ nói dịu dàng :

— Con tôi nhất lạnh quá. Nhưng sao gối con lại ướt đẫm thế kia. Tôi nghĩ mình đã khóc trong giấc ngủ, còn đây là sự thật. Tôi mở mắt nhưng chẳng thấy mẹ đâu. Lại là một giấc chiêm bao ! Vẫn một màu đen dày đặc, nhưng đã hết lạnh vì gió biển không còn lộng thổi. Tôi vẫn nghe mơ hồ — như trong chiêm bao tiếng tụng kinh đều đều, êm dịu theo nhịp mõ :

... Y phú ngã thề
Sử ngã túc chương tự trừ
Thiện căn tăng trưởng...
Đốn phá vô minh... (1)

Tâm hồn tôi lắng xuống, không còn vọng động nữa, không còn đau khổ vì bóng đêm dày. Tôi lần tìm được chuỗi tràng hạt nhỏ ở dưới gối, và thấy nó thân yêu hơn bao giờ cả. Tôi đã hết cô đơn.

« Lạy đức Thế Tôn ! chiếc Pháp-Y của Ngài sẽ ủ lấy tâm hồn con mãi, để cho con khỏi giá lạnh trong năm mờ dương thế... »

(1) Tạm dịch :

Pháp y che thân tôi
Túc - chương tự liễu trừ
Căn lành được thêm lớn
Vô - minh đều dứt sạch

Kính quý độc giả !

Chúng tôi hết sức cố gắng, nhưng trong khi gọi báo đến quý Vị, cũng không tránh khỏi sự thất lạc. Vậy Vị nào nhận thiếu xin biên thư về Tòa-soạn, chúng tôi sẽ gửi bù lại những số quý Vị còn thiếu.

L. H. N. S.



NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA - HỌC

Kỹ-sư UÔNG-TRÍ-BIỂU soạn
LIÊN-HOÀ dịch

(Tiếp theo)

Thái độ nghiên cứu của nhà Khoa-học, không bao giờ xen lộn tình cảm, mà đối với sức tưởng tượng thì chú trọng đến cực đoan. Nên người ta mới tìm hiểu được sự cấu tạo của nguyên tử, sự vận hành của trời đất, nào là điện ba, từ tính, nào là máy móc trắc nghiệm, đều nhờ ở sức tưởng tượng mà bỏ cứu được chỗ mắt thịt không trông thấy. Xem như đường đầu ảnh của Hình học (Géométrie projective) là một khoa học dùng sức tưởng tượng rất nhiều; người học khoa này trước hết họ tưởng tượng ở không trung có 3 vật xuyên qua mặt phẳng đồng thẳng xuống mà giao nhau, rồi do đó gạch ra tượng hạn ($1/4$ hình tròn 90°). Rồi lại tưởng tượng ở một tượng hạn có thể có một khúc tuyến (tuyến này có 6 điểm khác nhau không phải như trục tuyến hay chiếc tuyến), hoặc một mặt phẳng hoặc một lập thể chiếu vào được. Cuối cùng tưởng tượng có ba quang tuyến tự ba hướng đều đồng thẳng xuống 3 mặt phẳng cơ-bản. Do đó người ta tưởng ra trên mỗi mặt phẳng có thể có đầu ảnh của một tuyến, một mặt, hay một thể Ba đầu ảnh này hiện tại các bản họa đồ về máy

móc hoặc kiến trúc gọi là chánh diện đồ, trác diện đồ, bình diện đồ. Nếu tưởng tượng dùng một mặt phẳng y theo độ góc cắt một lập thể mà vẽ ra một đồ hình gọi là cát-diện-đồ. Sức tưởng tượng này đối với nhà thuần túy khoa học hay ứng dụng khoa học rất là trọng yếu; giá trị của những bản đồ này ở chỗ đáng đáng mà không cần đẹp mắt cho đến những chữ viết trên bản đồ cũng chỉ dùng thể chữ công trình chứ không dùng thể chữ mỹ thuật đẹp đẽ (1).

Trong Phật Giáo dạy người dùng sức tưởng tượng để tu hành rất nhiều mà nói chung là phép «Thiền quán». Như: 5 Quán pháp của ngũ đình tâm: 1) bất-tịnh-quán; 2) Sô-túc-quán; 3) Từ-bí-quán; 4) Nhơn-duyên-quán; 5) Giới-phân-biệt-quán. Ngoài ra còn có Pháp-không-quán, Duy-thức-quán, Pháp-giới-quán, Viên-dốn-quán, và Kinh Quán-vô-lượng-thọ Phật nêu ra 16 thứ quán pháp, trong ấy có pháp quán tưởng Nghĩa lý Phật giáo và quán tưởng trạng thái vật chất; như đối tượng của bất-tịnh-quán là sự cấu tạo ra thân người; đối tượng của

Cửu tưởng quán là sau khi người chết thân thể tan rã. Quán thứ nhất trong 16 quán là Lạc-nhật-quán, dạy người quán tưởng vòng hồng (mặt trời) khi sắp rơi xuống tây-sơn, xem khi nhắm mắt, khi mở mắt rõ ràng mới gọi là thành công. Từ quán thứ 2 mà lúc dạy người ta quán tưởng cảnh tượng, nhân vật vật của Cực lạc thế giới; những pháp tướng tượng này không khác gì đầu ảnh của Kỳ-hà-học. Tác giả vì đã có nhiều ít kỳ-hà-học, nên lúc nhập Lạc-nhật-quán không thấy gì khó khăn cả. Chỉ bất cứ quán pháp nào lúc tham thiền phải huấn luyện sức tưởng tượng tới cao độ, muốn vàn không cho xen lộn vào một chút cảm tình gì: như lòng muốn, lòng chán ghét, lòng lo sợ, lòng thương buồn; nếu không thì bị cái nguy hiểm lạc vào ma cảnh.

(Còn nữa)

1) Trên đây về đoạn Kỳ-hà-học tác giả nêu ra mục đích chỉ để chứng minh tác dụng của lý tưởng xin độc giả miễn phê bình về phương diện Toán học, vì vấn đề không phải năng khiếu của dịch giả.



HỒNG kéo tay áo xem đồng hồ, đã mười một giờ. Giờ ngủ bắt đầu từ lúc chín giờ ba mươi thể mà mãi đến nay các em mới im lìm trong giấc ngủ ngon lành.

Mục Thiếu-Nhi

TRUNG THU BÊN CHỊ

ĐỨC - THƯƠNG

Hồng, người chị trưởng ấy đã ráo hơi với các em mà các em có chịu im lặng ngay trong lúc bắt đầu giờ ngủ đâu! Cuộc đấu đèn, múa lân và

họp vui đã chấm dứt nhưng bao nhiêu niềm vui tươi, bao nhiêu sự thích thú, bao nhiêu tình thân mật vẫn bàn-bạc mãi trong trí các em. Tuy đã nằm trên giường các em vẫn mãi chuyện trò kể lể. Các em còn nhớ rõ đến những chiếc bánh trung-thu đẹp, ngon, người chị trưởng dịu hiền trao lên những bàn tay bé nhỏ xinh xinh. Và cũng cánh tay người chị dịu hiền ấy vuốt nhẹ mái tóc các em phấp phồng trong gió thu. Rồi đặt nhẹ lên vai, để truyền qua người em tất cả những mối tình triu mến của người chị áo lam.

Gió trở lạnh.

Hồng bước nhẹ quanh phòng nhìn các em đang miên man. Như một sự vui-sướng gì đã đến, nàng nhoẽn nụ cười rồi n g r ó c nhìn hình ảnh đức Thế - tôn, kính cẩn chấp tay

lên ngực, cúi đầu vái. Có lẽ Hồng đang cầu nguyện cho các em một giấc ngủ yên khỏe và cũng cầu xin đấng cha lành phù-hộ cho đời các

các em mãi tươi vui như hôm nay.

Gió lạnh.

Hồng huơ tay đuổi nhẹ con muỗi đang say sưa trên trán Vân, kéo mí chân đắp kín ngực em, nâng khép vội cánh cửa sổ rồi trở về chỗ nằm.

Vừa bật tắt ngọn đèn, đặt mình nằm xuống Hồng lại nghe một tiếng khóc nhỏ nức lên. Nàng vội bật sáng đèn đi quanh phòng nhìn kỹ các em một lần nữa. Nhưng quái gì! tất cả những làn môi tươi đều im lìm dưới ánh điện như những cánh đồng trang trải giữa nắng mai, những mí mắt cong đều khép kín, không có một mảy may gì xảy ra cả. Hồng hết đổi ngạc nhiên, nàng đứng lặng một lúc rồi trở về chỗ nằm.

Cũng như lần trước, vừa tắt đèn nàng lại nghe rõ tiếng khóc. Lần này nàng không bật sáng đèn nữa, dò dẫm trong khoảng tối bước về phía có tiếng khóc. Nàng dừng lại bên Vân. Nhưng tiếng khóc lại nín bật. Hồng đến bật sáng đèn rồi trở lại chỗ Vân. Vân vẫn ngủ yên nhưng bên khóe mắt của em còn đọng hai giọt lệ long lanh.

— Em Vân! Em Vân, có gì vậy?

Vân bưng mắt để những giọt nước mắt chảy tràn trên chiếc gối, môi em mếu máo rồi em ngồi dậy ôm lấy người chị trưởng.

Chị trưởng ngồi xuống bên Vân mở rộng cánh tay siết em vào lòng, ép sát má nàng lên làn tóc của Vân.

— Chị ạ, tối trung thu nào em cũng phải khóc nhưng cái khóc của em hôm nay khác hẳn mọi lần.

Chị ơi, hồi em còn nhỏ xí, ngày ngày sống bên người mẹ thân yêu, đời em thấy tràn ngập cả tình thương. Mỗi lần Trung-thu đến em tha hồ vui sướng với tất cả mọi đồ chơi, với tất cả mọi thức bánh, với tất cả những chiếc hôn đầm-ấm của người mẹ đặt lên má em mỗi khi thấy em chơi vui và ngoan ngoãn.

Nhưng ba năm qua...

Vân nghẹn lời, đợi giọng lệ nóng tuông chảy nổi lại câu chuyện cho em.

— Ba năm qua, mỗi lần trung thu đến, mỗi lần thấy những em bé như em hơn hở vui mừng đón lấy những chiếc đèn ba trao cho, đón lấy những chiếc bánh của mẹ biểu và sung sướng sửa soạn những cuộc vui tiếp diễn trong đêm... Em thấy em lạnh lùng và cô quạnh quá. Vì... em đã thành một đứa trẻ mồ côi! sau những lúc đứng nép bên vệ đường để nhìn đoàn trẻ vui đùa em lại lùi thủi trong xóm vắng, trở về nhà một mình. Em tự hỏi: má em giờ đâu

nhỉ? Chị ơi, những lúc ấy làm sao em khỏi khóc được.

Nhưng suốt một năm nay em được sống với gia đình Phật-tử, ở đây có đủ tất cả mọi tình thương, nhất là tình thương vô biên của Đức Phật rồi đến tình thương của những người chị triu mến, với những tình thương chân thành của chị em cùng đoàn. Ở đây cũng có đủ tất cả những thú vui hồn nhiên và trong trẻo. Những kỷ niệm đau buồn của đời em đã được chôn sâu vào dĩ-vãng. Em tưởng Trung-thu năm nay được có những nụ cười thay cho tiếng khóc.

Song cử chỉ vừa rồi của chị đã làm em quá cảm xúc. Chính chị đã diễn lại hình ảnh má em mấy năm về trước. Hồi ấy trong những giấc ngủ có khi em chớp mắt dậy, mặt đầu đã quá khuya, em vẫn thấy má em còn ngồi bên cạnh kéo lại tấm chăn hay sửa lại cánh mùng. Có lúc em tưởng như má em không bao giờ ngủ để sẵn sóc cho giấc ngủ em được ngon lành.

Hôm nay em khóc không những vì em nhớ đến má em, em còn khóc vì em quá sung sướng tìm lại được những bàn tay triu mến đầy tình thương đậm-ấm như xưa.

Chị ơi, chỉ gia-đình Phật-tử mới sẵn có những tình

thương hoàn toàn và bao la như thế mà thôi.

Đến đây, Vân ngừng đầu nhìn chị trên đôi mắt hiền từ của người chị trưởng cũng đã đọng lại những ngấn lệ.

— Sao chị lại cũng khóc? em đã làm chị buồn chăng?

— Không em, chị thương em lắm.

Mà thật thế, Hồng luôn luôn thương các em không khác gì những người em ruột. Và chính câu chuyện của Vân hôm nay cũng đã làm khơi dậy chuỗi ngày dĩ vãng xa xăm trong thời thơ ấu của nàng.

Hồng lấy khăn tay lau nước mắt cho nàng và cho Vân rồi bảo :

— Thôi chúng ta đi ngủ đi, khuya lắm rồi, đừng khóc nữa em !

— Mà chị cũng đừng khóc nữa chứ !

— Chị sẽ không bao giờ khóc nữa đâu. Chúng ta niệm Phật đi, đức Thế Tôn lúc nào cũng thương mến chị em mình nhưng cần nhất là chúng ta phải luôn luôn sống đúng theo giáo lý của Ngài. Kia, em nhìn kia, Hồng chỉ bức tượng trên tường và nói, Ngài đang nhìn chúng mình và thoa dịu nỗi lòng đau thương của chị em mình bằng nụ cười Từ-Bi muốn thuở ấy.

DỨC. THƯƠNG

TIN TỨC

TIN THẾ GIỚI

Một trung tâm Phật-giáo tại Hoa-thịnh-Đôn (Mỹ)

Cách đây vài tháng vị đại sư Tích-Lan ông Gunewardene mời đại sư của các nước Phật-giáo họp tại nhà ông để thành lập một trung tâm Phật-giáo tại Hoa-thịnh Đôn.

Ý định của ông Đại-sư Tích-lan là muốn thành lập tại Mỹ một trung tâm văn-hóa và tôn-giáo có mục đích phổ biến Phật-giáo đến cho người Mỹ như thể là một tôn giáo, một triết-học, một lối sống thích hợp với họ.

Tất cả các Đại-sư các nước Phật-giáo Á-châu, tiểu thừa cũng như đại-thừa đều đến dự buổi họp ngoại trừ đại-sư Việt-Nam vì theo Thiên-chúa giáo cáo lỗi không đến.

Hoạt động Phật-giáo tại Hồi quốc

Thượng tọa Visuddhananda, hội-trưởng Phật-giáo thế giới địa phương của Hồi Quốc cho biết rằng chính phủ Hồi quốc cấp 30.000 Ru-pi mỗi năm để khuyến khích nền giáo dục của Phật-tử Hồi-quốc.

Chính phủ Đông-hồi cũng có trợ cấp một số tiền trên 30.000 Ru-pi với mục-dịch trên, trong số tiền đó 15.000 Ru-pi dành riêng cho các môn học

về tiếng Nam-phạn (pa-li) và về Phật-giáo.

Số với 13.000 Ru-pi trợ cấp năm 1957, thì năm nay số tiền tổng cộng lên đến 60.000 Ru-pi.

Trong năm vừa qua, chính phủ Đông-hồi đã gửi một phái đoàn gồm có thượng-tọa Visuddhananda và ông Devapriya Barua đi dự hội nghị liên tôn thế-giới tại Tân-Đề-Li ngày 17 và 18 tháng 11 năm vừa rồi.

Thủ-tướng U-Nu giúp tiền để mở mang Bồ-đề đạo-tràng

Trong một cuộc viếng thăm Bồ-Đề Đạo-tràng, thủ tướng Diên-Điện U-Nu đã tuyên bố rằng số dĩ Bồ-đề đạo-tràng ngày nay được mở mang là nhờ sự cố gắng của chính-phủ Ấn-độ, và nếu bước đầu của sự tiến bộ này còn tiếp tục nữa, thì chỗ thánh-địa này, nơi đức Phật đã nhập niết bàn cách đây 25 thế kỷ sẽ trở nên không những là một chỗ kỳ quan ở Ấn-độ mà ngay đến cả Á-châu.

Thủ-Tướng Diên-Điện đã biểu cho ủy ban trùng tu Bồ đề Đạo-tràng một số tiền 10.000 Ru-pi, tổng cộng số tiền ông đã ủng hộ để khuếch trương Bồ-đề Đạo-tràng đến nay là 30.000 rupi trong số tiền 50.000 rupi (khoảng 300.000 đồng Việt-Nam) mà ông hứa cho Bồ-đề đạo-tràng.